

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAM RANH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 15/2020/DS-ST

Ngày: 24/8/2020

V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH - TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Ngọc Hương

2. Bà Phan Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cam Ranh – tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh – tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng góp vốn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Đức V - sinh năm 1979

Địa chỉ cư trú: TDP PS, P. CPN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Lê Thị S – địa chỉ: TDP PS, P. CPN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền được công chứng tại Văn phòng công chứng Tr ngày 02/3/2020, số công chứng 1405, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD). Bà S và ông V có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Vũ Đ – sinh năm 1979 và bà Nguyễn Vũ Quỳnh Qu – sinh năm 1982. Cùng cư trú tại địa chỉ: TDP KC 1, phường B, TP. C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Công B – sinh năm 1973 và bà Lê Thị Bích Th – sinh năm 1979. Cùng cư trú tại địa chỉ: TDP PB, P. CP, TP. C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Lê Thị S – sinh năm 1979. Địa chỉ: TDP PS, P. CPN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn trình bày:* Vợ chồng ông Trần Vũ Đ và Nguyễn Vũ Quỳnh Qu có kinh doanh tiệm cà phê giải khát tên Đại tại đường L (TDP TL, P. CT, TP. C, tỉnh



Khánh Hòa) theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37B8007322 do Phòng tài chính kế hoạch Thành phố Cam Ranh cấp ngày 24/11/2016. Ngày 03 tháng 12 năm 2016, ông Hồ Đức V có góp số tiền 300.000.000 đồng để kinh doanh quán café nêu trên. Thời hạn góp vốn là 5 năm tính từ ngày 03/12/2016. Việc góp vốn được lập hợp đồng được công chứng tại VPCC Tr số công chứng 7186, quyền số 01/HĐGD và phụ lục hợp đồng công chứng số 7187, quyền số 01/HĐGD cùng ngày 03/12/2016. Theo nội dung các thỏa thuận nêu trên thì lãi suất thỏa thuận như sau:

- Năm đầu tiên là 3%/tháng.
- Năm thứ 2 là 4%/tháng.
- 3 năm tiếp theo bên A tức là chúng tôi tự quyết định lãi suất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ và bà Qu đã trả cho chúng tôi tiền lãi từ ngày 03/12/2016 đến ngày 03/10/2019 (34 tháng) theo đúng thỏa thuận trên.

Tuy nhiên từ đó đến nay chúng tôi không nhận được số tiền lãi như thỏa thuận. Chúng tôi có liên lạc nhưng ông Đ và bà Qu không có thiện chí trả tiền gốc, lãi. Có tình trốn tránh. Sau đó chúng tôi mới biết ông Đ, bà Qu đã sang nhượng quán cafe trên cho vợ chồng bà Lê Thị Bích Th và Trần Công B. Việc sang nhượng này chúng tôi không hề hay biết. Do vậy, ông Đ, bà Qu đã vi phạm thỏa thuận góp vốn kinh doanh nêu trên.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Vũ Đ và Nguyễn Vũ Quỳnh Qu trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi 1.5%/tháng tính từ ngày 03/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Bì đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án*

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích Th trình bày:* Ngày 20/10/2019, vợ chồng tôi là Trần Công B và Lê Thị Bích Th có nhận sang quán café (chỉ mua lại xác quán) tại địa chỉ Đường L, TDP TL, P. CT, TP C của bà Nguyễn Vũ Quỳnh Qu là chủ hộ kinh doanh Đ với giá 150.000.000 đồng. Khi chúng tôi nhận sang quán thì chỉ lập giấy bán xác café Đ viết tay. Việc sang nhượng đã được thực hiện đầy đủ, chúng tôi đã giao đủ tiền và nhận quán. Sau đó, chúng tôi đã thực hiện đăng ký kinh doanh, thuê đầy đủ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh Th theo số 37B8009128 ngày 23/10/2019. Chúng tôi không biết gì về việc ông Hồ Đức V có góp vốn kinh doanh quán café với vợ chồng ông Trần Vũ Đ và bà Nguyễn Vũ Quỳnh Qu vì trên giấy tờ pháp lý bà Qu là người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ gia đình Đ số 37B8007322 ngày 24/11/2016. Như vậy, việc sang nhượng quán café nêu trên của chúng tôi là hoàn toàn hợp pháp. Việc ông Hồ Đức V góp vốn kinh doanh hay vay mượn gì đó của vợ chồng ông Trần Vũ Đ và bà Nguyễn Vũ Quỳnh Qu là không liên quan gì đến chúng tôi.

Đối với vụ án này, chúng tôi không có ý kiến, yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Vì lý do bận công việc và không có quyền, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án nên chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tôi cam đoan không thắc mắc, khiếu nại gì đối với việc giải quyết vắng mặt của Tòa án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công B thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Bích Th.*



Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị S trình bày: Tôi là vợ của ông Hồ Đức V, việc ông V góp vốn 300.000.000 đồng nêu trên là không liên quan đến tôi vì đây là tài sản riêng của ông V. Tôi không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án với tư cách cá nhân tôi.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

*Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – vắng mặt không có lý do, vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại số tiền đã góp vốn là 300.000.000 đồng và tiền lãi 1.5%/tháng tính từ ngày 04/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí: bị đơn chịu toàn bộ án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nhưng có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền đã góp vốn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*” là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án: nguyên đơn và bị đơn đã ký kết hợp đồng góp vốn theo hợp đồng được công chứng tại VPCC Tr số công chứng 7186, quyền số 01/HĐGD và phụ lục hợp đồng công chứng số 7187, quyền số 01/HĐGD cùng ngày 03/12/2016. Nội dung hợp đồng, ngày 03/12/2016 ông Hồ Đức V có góp số tiền 300.000.000 đồng để kinh doanh quán café Đ do bị đơn đang kinh doanh. Tiền lãi lãi suất thỏa thuận như sau:

- Năm đầu tiên là 3%/tháng.
- Năm thứ 2 là 4%/tháng.
- 3 năm tiếp theo bên A tức là nguyên đơn tự quyết định lãi suất.

Hội đồng xét xử xét Hợp đồng góp vốn được công chứng tại VPCC Tr số công chứng 7186, quyền số 01/HĐGD và phụ lục hợp đồng công chứng số 7187, quyền số 01/HĐGD cùng ngày 03/12/2016 được các bên giao kết tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm pháp luật nên phát sinh hiệu lực.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng góp vốn và phụ lục hợp đồng nêu trên, bị đơn không tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn và đã sang nhượng quán café Đ cho người khác là đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng nên nguyên đơn có quyền hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu trả tiền gốc và lãi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 423, Điều



275 và 280 Bộ luật dân sự. Về số tiền lãi phải trả theo yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng, phần lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu 1.5% tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 468 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận. Số tiền lãi được tính toán từ ngày 04/10/2019 đến ngày 24/8/2020 (10 tháng 21 ngày) như sau:

$300.000.000đ \times 1.5\% \times 10 \text{ tháng} + 300.000.000đ \times 1.5\% \times 21 \text{ ngày}/30 \text{ ngày} = 45.000.000 \text{ đồng} + 3.150.000 \text{ đồng} = 48.150.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 300.000.000 đồng (gốc) + 48.150.000. đồng (lãi) = 348.150.000 đồng.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 17.407.000 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH

#### Áp dụng:

- Điểm b khoản 1 Điều 423, Điều 275, Điều 280, khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Vũ Đ và bà Nguyễn Vũ Quỳnh Qu phải trả cho ông Hồ Đức V số tiền đã góp vốn là 348.150.000 đồng (*bằng chữ: Ba trăm bốn mươi tám triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng*) (trong đó tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi 48.150.000 đồng).

2. Án phí: Bị đơn ông Trần Vũ Đ và bà Nguyễn Vũ Quỳnh Q phải chịu án phí là 17.407.000 đồng (*bằng chữ: mười bảy triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn đồng*), hoàn lại cho nguyên đơn ông Hồ Đức V số tiền tạm ứng án phí là 8.175.000 đồng (*bằng chữ: tám triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000994 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Cam Ranh.

4. Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án



dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bà Lê Thị S được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Cam Ranh;
- Đương sự;
- THADS Tp. Cam Ranh;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiếu